

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 5 năm 2025

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Ông Nguyễn Hoàng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 363/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981, địa chỉ: TDP Đ, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987, địa chỉ: TDP Đ, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang sinh sống tại nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:* Anh Q và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L,

tỉnh Bắc Giang (Nay là thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang). Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Đến khoảng cuối năm 2014 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến năm 2019, chị T sống không thật thà với anh, có mua đất riêng. Năm 2022, chị T đi nước ngoài, từ đó mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, chị T về nước cũng không về thăm các con mà về nhà mẹ đẻ ở. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng anh đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Công V, sinh ngày 20/5/2007 và cháu Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 24/5/2009. Hiện nay các cháu đều đang sống cùng anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Công V và cháu Nguyễn Minh Q1. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là chị Nguyễn Thị T:** Hiện đang lao động ở nước ngoài, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho chị Nguyễn Thị T do bà Ninh Thị T1 là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T nhận thay cũng như niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị T, có dấu xác nhận của Đ, chị T trình bày: Chị đã được mẹ đẻ là bà Ninh Thị T1 thông báo về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã thụ lý và đang giải quyết đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung với chị. Chị cũng đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nhưng do đang sinh sống và làm việc tại Singapore nên không thể về tham gia phiên toà. Chị đồng ý ly hôn như đơn ly hôn của anh QuangAnh Q. Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Công V, sinh ngày 20/5/2007 và cháu Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 24/5/2009. Do chị đang không ở Việt Nam nên chị đồng ý giao con cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung đến khi các con đủ 18 tuổi. Sau khi đủ 18 tuổi, các con muốn

ở với ai thì chị tôn trọng ý kiến của các con. Về tài sản chung: Chị chưa yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Tại bản tự khai cháu Nguyễn Công V và cháu Nguyễn Minh Q1 trình bày:** Các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố là anh Nguyễn Văn Q để ổn định việc học tập và sinh hoạt.

*** Tài liệu Tòa án thu thập được:**

- **Tại biên bản xác minh với bà Ninh Thị T1 là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị T cung cấp:** Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T, hiện nay chị T đang lao động tại nước ngoài nhưng bà không biết chính xác địa chỉ của chị T. Bà đã được Toà án thông báo về việc anh Q khởi kiện ly hôn, tranh chấp con chung với chị T và cam kết đã thông báo tới chị T. Chị T và anh Q kết hôn năm 2004, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau vợ chồng mâu thuẫn chị T đi nước ngoài, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Q và chị T cụ thể như thế nào bà không biết. Nay anh Q làm đơn ly hôn với chị T bà có thông báo cho chị T biết và chị T đồng ý, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định. Về con chung, giữa anh Q2 và chị T có hai con chung, hiện hai cháu đang ở với anh Q, khi ly hôn Toà án giải quyết theo quy định. Tài sản chung cũng như nghĩa vụ chung về tài sản, giữa anh Q và chị T như thế nào bà không rõ.

- **Tại biên bản xác minh ngày 18/02/2025, ông Nguyễn Văn C - Tổ trưởng T2, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang cung cấp:** Chị T có nơi thường trú tại Tổ trưởng T2, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Năm 2004 chị T kết hôn cùng với anh Q. Hiện tại chị T không còn sinh sống tại địa phương, qua gia đình địa phương được biết hiện chị T đang lao động và sinh sống ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể như thế nào địa phương cũng không rõ. Nay anh Q có đơn xin ly hôn chị T thì Toà án giải quyết theo quy định.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q và xử cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 24/5/2009 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về việc cấp dưỡng do anh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn Q có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với chị Nguyễn Thị T. Bị đơn chị Nguyễn Thị T có thường trú tại tỉnh Bắc Giang và hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Qua xác minh tại gia đình và địa phương, hiện tại chị T có nơi thường trú tại Tổ trưởng T2, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang, hiện chị T đi làm ăn tại Singapore không có mặt tại địa phương. Tòa án có văn bản xác minh thông tin của chị T và được Cục Q3 Bộ C1 cung cấp chị T nhiều lần xuất cảnh, lần xuất cảnh gần nhất ngày 17/10/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Tòa án có Quyết định cung cấp chứng cứ yêu cầu gia đình chị T cung cấp địa chỉ của chị T nhưng gia đình chị T không cung cấp được địa chỉ của chị T. Chị T đi làm ăn ở Singapore không có mặt tại địa phương và không thông báo địa chỉ cho anh Q và gia đình biết là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã giao toàn bộ giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Gia đình chị T đã thông báo nội dung các văn bản Tòa án cho chị T được biết. Như vậy xác định chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và chị T cũng như anh Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 08/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là thị trấn V, huyện L), tỉnh Bắc Giang, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục,

tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là thị trấn V, huyện L), tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị T là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị T thì thấy: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc được 10 năm, đến khoảng cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, đến năm 2022 chị T đi nước ngoài, hai bên không còn liên lạc với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị T về nước cũng không đến hỏi thăm anh và các con. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng chị T không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia phiên tòa xét xử. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Anh Q và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Công V, sinh ngày 20/5/2007 và cháu Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 24/5/2009, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh Q và đều có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng anh Q.

Đối với cháu Nguyễn Công V, sinh ngày 20/5/2007, đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu V đã đủ 18 tuổi, cháu V phát triển bình thường, khỏe mạnh, do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết việc giao người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đối với cháu V.

Đối với cháu Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 24/5/2009, hiện chưa đủ 18 tuổi, anh Q có nguyện vọng được nuôi cháu Q1 và cháu Q1 cũng có nguyện vọng được ở với anh Q, chị T đang sinh sống và lao động tại nước ngoài, chị T nhất trí để cháu Q1 cho anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt của cháu Q1 được ổn định và theo nguyện vọng của cháu Q1, cần chấp nhận yêu cầu của anh Q là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu nên không đặt ra xem

xét giải quyết.

[6]. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[7]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Q, chị T đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Q1, sinh ngày 24/5/2009 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000298 ngày 24/12/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

- Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thanh Hảo